

Bản án số: 38/2019/HS -ST

Ngày: 26/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Hương và ông Hồ Văn Hữu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 14/2019/TLST - HS ngày 18 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 4 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Tiến C, sinh ngày 7/5/1979 tại thị xã H, tỉnh Nghệ an,

Nơi cư trú: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an; nghề nghiệp: Làm ruộng; Đảng viên; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tiến T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; vợ: Lê Thị T, sinh năm 1984; con: có 4 con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

-Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Lê Thị M, sinh năm 1977, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Lê Thị H, sinh năm 1959 (vợ ông Nguyễn Đình C), có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1963, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Phan Văn C, sinh năm 1942, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1972, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Lê Thị V, sinh năm 1960, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Trần Thị L, sinh năm 1965, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1968, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1969, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1973, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Nguyễn Chính C, sinh năm 1979, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Hồ Trọng T, sinh năm 1965, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1972, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Hồ Trọng T, sinh năm 1969, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1979, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Trần Đức I, sinh năm 1963, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Lê Thị N, sinh năm 1976, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

Chị Hồ Thị Đ, sinh năm 1979, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Hồ Trọng H, sinh năm 1976, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1961, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979, vắng mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1983 (con ông Nguyễn Duy X)

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an; có mặt

-Anh Lê Tiến P, sinh năm 1978, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1967, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

-Anh Cao Trọng L, sinh năm 1989, có mặt

Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã H, có mặt

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T. C vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Khối ST, phường QD, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị O, chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ phường QX, vắng mặt

Địa chỉ: UBND phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Chị Lê Thị T, sinh năm 1984, có mặt
Trú tại: Khối L, phường QX, thị xã H, tỉnh Nghệ an;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2015, Lê Tiến C, là tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn của khối L, phường QX, thị xã H, được Ngân hàng chính sách xã hội H ký hợp đồng không số, ngày 08/01/2013, với nội dung ủy nhiệm thu tiền lãi và tiền gửi tiết kiệm của các thành viên trong tổ. Trong thời gian này lợi dụng vào sự tin tưởng của những người được vay vốn Lê Tiến C đã xâm tiêu, tiền dư nợ gốc, tiền trả lãi, tiền gửi tiết kiệm chiếm đoạt tiền của 34 hộ dân đã nộp cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Lê Tiến C, số tiền 317.354.000đ. Quá trình thu tiền trả nợ gốc, tiền gửi tiết kiệm, tiền lãi không nộp cho Ngân hàng, không công khai dư nợ của hộ vay theo thông báo của Ngân hàng để hộ vay biết.

Để chiếm đoạt được tiền của các hộ dân trong thời gian dài mà không bị phát hiện thì Lê Tiến C dùng thủ đoạn là nếu hộ nào đã đến hạn trả nợ mà C đã chiếm đoạt tiền trước đó rồi thì C nói dối với cán bộ Ngân hàng là các hộ dân do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có trả, đồng thời C tự đứng ra viết giấy xin gia hạn nợ và ký tên các hộ dân để xin Ngân hàng gia hạn nợ. Vì vậy Ngân hàng và các hộ dân không phát hiện ra hành vi chiếm đoạt của Lê Tiến C. Cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị D vay vốn học sinh sinh viên năm 2011, số tiền 20.000.000đ, bị Lê Tiến C chiếm đoạt 4.248.028đ tiền trả lãi; Bà Lê Thị M vay vốn hộ nghèo năm 2013, số tiền 20.000.000đ, bị C chiếm đoạt 367.330đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Đình C vay vốn Học sinh sinh viên năm 2011, số tiền 29.000.000đ, bị C chiếm đoạt 4.155.000đ tiền trả lãi; Bà Nguyễn Thị H vay vốn hộ nghèo năm 2011, số tiền 15.000.000đ, bị C chiếm đoạt 15.000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị P vay vốn học sinh sinh viên năm 2008, số tiền 30.600.000đ, bị C chiếm đoạt 9.300.000đ tiền nợ gốc; 8.197.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Duy T vay vốn học sinh sinh viên năm 2008, số tiền 28.000.000đ, bị C chiếm đoạt 8000.000đ tiền trả nợ gốc; 8.188.000đ tiền trả lãi; Ông Phan Văn C vay vốn học sinh sinh viên năm 2008, số tiền 35.600.000đ, bị C chiếm đoạt 10.000.000đ tiền trả nợ gốc; 6.860.000đ tiền trả lãi; Bà Trần Thị Đ vay vốn hộ nghèo năm 2010, số tiền 10.000.000đ, bị C chiếm đoạt 5000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Lê Thị V vay vốn nước sạch, vệ sinh môi trường năm 2011, số tiền 5.000.000đ, bị C chiếm đoạt 5.000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị L vay vốn hộ nghèo năm 2011, số tiền 25.000.000đ, bị C chiếm đoạt 25.000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị T vay vốn học sinh sinh viên

năm 2009, số tiền 18.600.000đ, bị C chiếm đoạt 16.117.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Trần Thị L vay vốn học sinh sinh viên năm 2009, số tiền 27.600.000đ, bị C chiếm đoạt 8000.000đ tiền trả nợ gốc, 3.633.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Đình T vay vốn học sinh sinh viên năm 2009, số tiền 27.600.000đ, bị C chiếm đoạt 13.000.000đ tiền trả nợ gốc, 5.316.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Công T vay vốn Học sinh sinh viên năm 2009, số tiền 37.600.000đ, bị C chiếm đoạt 9.846.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Duy K vay vốn hộ nghèo năm 2010, số tiền 1000.000đ, bị C chiếm đoạt 5000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Nguyễn Chính C vay vốn hộ nghèo năm 2011, số tiền 20.000.000đ, bị C chiếm đoạt 20.000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Hồ Trọng T vay vốn hộ nghèo năm 2011, số tiền 20.000.000đ, bị C chiếm đoạt 13.000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Nguyễn Duy T vay vốn học sinh sinh viên năm 2011, số tiền 20.000.000đ, bị C chiếm đoạt 4.278.078đ tiền trả lãi và 800.000đ tiền gửi tiết kiệm; Ông Hồ Trọng T vay vốn học sinh sinh viên năm 2011, số tiền 20.000.000đ, bị C chiếm đoạt 4.100.000đ tiền trả lãi và 600.000đ tiền gửi tiết kiệm; Bà Nguyễn Thị N vay vốn hộ nghèo năm 2012, số tiền 15.000.000đ, bị C chiếm đoạt 12.000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị T vay vốn Học sinh sinh viên năm 2012, số tiền 21.000.000đ, bị C chiếm đoạt 1.400.000đ tiền trả lãi và 2.700.000đ tiền gửi tiết kiệm; Bà Nguyễn Thị N vay vốn hộ nghèo năm 2012, số tiền 15.000.000đ, bị C chiếm đoạt 6.000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Trần Đức I vay vốn hộ cận nghèo năm 2013, số tiền 30.000.000đ, bị C chiếm đoạt 976.400đ tiền trả lãi và 50.000đ tiền gửi tiết kiệm; Bà Lê Thị N vay vốn hộ cận nghèo năm 2014, số tiền 40.000.000đ, bị C chiếm đoạt 1.161.600đ tiền trả lãi và 400.000đ tiền gửi tiết kiệm; Bà Hồ Thị Đ vay vốn hộ cận nghèo năm 2014, số tiền 10.000.000đ bị C chiếm đoạt 1.161.600đ tiền trả nợ lãi và 400.000đ tiền gửi tiết kiệm; Ông Hồ Trọng H vay vốn hộ nghèo năm 2012, số tiền 25.000.000đ, bị Lê Tiến C chiếm đoạt 12.700.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị T vay vốn hộ cận nghèo năm 2014, số tiền 40.000.000đ, bị C chiếm đoạt 15.000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Nguyễn Duy V vay vốn học sinh sinh viên năm 2014, số tiền 10.000.000đ, bị C chiếm đoạt 10.000.000đ tiền trả nợ gốc; Bà Nguyễn Thị H vay vốn hộ nghèo năm 2012, số tiền 15.000.000đ, bị C chiếm đoạt 5000.000đ tiền trả lãi; Bà Nguyễn Thị T vay vốn học sinh sinh viên năm 2009, số tiền 52.000.000đ, bị C chiếm đoạt tiền trả lãi 7.300.000đ và 1.200.000đ tiền gửi tiết kiệm; Ông Nguyễn Duy X vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường năm 2011, số tiền 3.500.000đ, bị C chiếm đoạt 2.054.000đ tiền trả gốc và lãi; Ông Lê Tiến P vay vốn hộ nghèo năm 2008, số tiền 25.000.000đ, bị C chiếm đoạt 6000.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Công H vay vốn Học sinh sinh viên năm 2009, số tiền 35.000.000đ, bị C chiếm đoạt 3.800.000đ tiền trả lãi; Ông Cao Trọng L vay vốn hộ nghèo năm 2013, số tiền 30.000.000đ, bị C chiếm đoạt 15.000.000đ tiền trả nợ gốc.

Như vậy tổng số tiền Lê Tiến C đã chiếm đoạt của 34 hộ dân là 302.354.000đ (Ba trăm linh hai triệu ba trăm năm tư ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, Lê Tiến C đã tự nguyện nộp trả tiền cho Ngân hàng chính sách xã hội H số 167.000.000 đồng (Một trăm sáu bảy triệu đồng) Sau khi Lê Tiến C khắc phục hậu quả, Ngân hàng chính sách xã hội thị xã H đã trừ tiền nợ gốc và nợ lãi cho 15 hộ dân, cụ thể:

Bà Nguyễn Thị N, 6.000.000đ tiền nợ gốc; Bà Nguyễn Thị L, 23.000.000đ tiền trả nợ gốc; Ông Phan Văn C, 16.860.000đ tiền nợ gốc và nợ lãi; Ông Nguyễn Duy V, 9.999.000đ tiền nợ gốc; Ông Hồ Trọng H, 7.699.000đ tiền nợ gốc; Bà Nguyễn Thị N, 12.000.000đ tiền nợ gốc; Ông Hồ Trọng T, 4.100.000đ tiền trả lãi; Ông Nguyễn Duy T, 4.278.078đ tiền nợ lãi; Ông Hồ Trọng T, 12.999.000đ tiền nợ gốc; Ông Nguyễn Duy K, 999.000đ tiền nợ gốc; Ông Nguyễn Công T, 9.321.806đ tiền nợ lãi; Ông Nguyễn Đình T, 18.316.300đ tiền nợ gốc và lãi; Bà Nguyễn Thị Diện, 4.248.100đ tiền nợ lãi; Bà Nguyễn Thị P, 14.497.000đ tiền gốc và lãi; Bà Lê Thị V, 4.999.000đ tiền nợ gốc.

Gia đình C tiếp tục trả cho 4 hộ gồm: anh Hồ Trọng H 5.000.000đ; chị Nguyễn Thị P 3.000.000đ; chị Trần Thị Đ 5.000.000đ; chị Nguyễn Thị T 15.000.000đ.

Sau khi hành vi của Lê Tiến C bị phát hiện, một số hộ vay đã tự nguyện trả cho N hàng số tiền gốc 63.888.336đ, gồm các hộ: Bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ; Ông Nguyễn Duy T 8.000.000đ; Bà Trần Thị Đ 5.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T 16.117.000đ; Bà Trần Thị L 8.000.000đ; Ông Nguyễn Duy K 5.000.000đ; Ông Nguyễn Chính C 20.000.000đ.

Số tiền còn lại Lê Tiến C đang chiếm đoạt của các hộ dân là: 302.354.000đ – 167.000.000đ = 135.354.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm năm tư ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 21/CT- VKS - HM, ngày 17 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố bị cáo Lê Tiến C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Tiến C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị: □p dụng khoản 3 Điều 175; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến C từ 5 năm – 5 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại N, P, Trần Thị Đ, T, C, V, N, T, T, T, Diện, V đã được trả tiền xong, nay không yêu gì, miễn xét.

Buộc bị cáo trả cho bà Nguyễn Thị L 2.000.000đ; ông Hồ Trọng T 600.000đ; anh Nguyễn Duy T 800.000đ; anh Nguyễn Duy K 3.001.000đ; bà Lê Thị M 367.330đ; bà Lê Thị H (vợ ông Nguyễn Đình C, ông C đã chết) 4.155.000đ; bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ; ông Nguyễn Duy T 16.188.000đ; bà Nguyễn Thị T 16.117.000đ; bà Trần Thị L 11.633.000đ; anh Nguyễn Chính C 20.000.000đ; chị Nguyễn Thị T 4.100.000đ; ông Trần Đức I 1.026.400đ; chị Lê Thị N 400.000đ; chị Hồ Thị Đ 400.000đ; chị Nguyễn Thị H 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị T 8.500.000đ; ông Nguyễn Duy T (con ông Nguyễn Duy X, ông X đã chết) 2.054.000đ; ông Lê Tiến P 6.000.000đ; ông Nguyễn Công H 3.800.000đ; anh Cao Trọng L 11.000.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ-ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng-ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Hoàng Mai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt; có đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ năm 2008 đến năm 2015, Lê Tiến C đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Bà Nguyễn Thị D 4.248.028đ; Bà Lê Thị M 367.330đ; Ông Nguyễn Đình C 4.155.000đ; Bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ; Bà Nguyễn Thị P 17.497.000đ; Ông Nguyễn Duy T 16.188.000đ; Ông Phan Văn C 16.860.000đ; Bà Trần Thị Đ 5.000.000đ; Bà Lê Thị V 5.000.000đ; Bà Nguyễn Thị L 25.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T 16.117.000đ; Bà Trần Thị L 11.633.000đ; Ông Nguyễn Đình T 18.316.000đ; Ông Nguyễn Công T 9.846.000đ; Ông Nguyễn Duy K 5.000.000đ; Ông Nguyễn Chính C 20.000.000đ; Ông Hồ Trọng T 13.000.000đ; Ông Nguyễn Duy T 5.078.078đ; Ông Hồ Trọng T 4.700.000đ; Bà Nguyễn Thị N 12.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T 4.100.000đ; Bà Nguyễn Thị N 6.000.000đ; Ông Trần Đức I 1.026.400đ; Bà Lê Thị N 1.561.600đ; Bà Hồ Thị Đ 1.561.600đ; Ông Hồ

Trọng H 12.700.000đ; Bà Nguyễn Thị T 15.000.000đ; Ông Nguyễn Duy V 10.000.000đ; Bà Nguyễn Thị H 5.000.000đ; Bà Nguyễn Thị T 8.500.000đ; Ông Nguyễn Duy X 2.054.000đ; Ông Lê Tiến P 6.000.000đ; Ông Nguyễn Công H 3.800.000đ; Ông Cao Trọng L 15.000.000đ. Tổng số tiền Lê Tiến C đã chiếm đoạt của 34 hộ dân là 317.354.000đ (Ba trăm mười bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do không muốn lao động chính, coi T pháp luật nên đã thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Lê Tiến C phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc tr-ờng hợp rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ-ợc pháp luật bảo vệ, ảnh h-ởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình th-ờng của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc bằng hình phạt tù như Viện kiểm sát đề nghị, t-ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[4] Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác trong quân đội được tặng giấy khen; mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần song cần thiết phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế; nên miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại N, P, Trần Thị Đ, T, C, V, N, T, T, T, Diện, V đã được trả tiền xong, nay không yêu gì, miễn xét.

Buộc bị cáo trả cho bà Nguyễn Thị L 2.000.000đ; ông Hồ Trọng T 600.000đ; anh Nguyễn Duy T 800.000đ; anh Nguyễn Duy K 3.000.000đ; bà Lê Thị M 367.330đ; bà Lê Thị H (vợ ông Nguyễn Đình C, ông C đã chết) 4.155.000đ; bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ; ông Nguyễn Duy T 16.188.000đ; bà Nguyễn Thị T 16.117.000đ; bà Trần Thị L 11.633.000đ; anh Nguyễn Chính C 20.000.000đ; chị Nguyễn Thị T 4.100.000đ;

ông Trần Đức I 1.026.400đ; chị Lê Thị N 400.000đ; chị Hồ Thị Đ 400.000đ; chị Nguyễn Thị H 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị T 8.500.000đ; ông Nguyễn Duy T (con ông Nguyễn Duy X, ông X đã chết) 2.054.000đ; ông Lê Tiến P 6.000.000đ; ông Nguyễn Công H 3.800.000đ; anh Cao Trọng L 11.000.000đ.

Tại phiên tòa chị T không yêu cầu bị cáo C trả số tiền chị bồi T cho bị hại nên miễn xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Tiến C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Tiến C 04 (bốn) năm tù; Thời hạn tù được tính từ ngày 11/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo trả cho bà Nguyễn Thị L 2.000.000đ; ông Hồ Trọng T 600.000đ; anh Nguyễn Duy T 800.000đ; anh Nguyễn Duy K 3.001.000đ; bà Lê Thị M 367.330đ; bà Lê Thị H 4.155.000đ; bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ; ông Nguyễn Duy T 16.188.000đ; bà Nguyễn Thị T 16.117.000đ; bà Trần Thị L 11.633.000đ; anh Nguyễn Chính C 20.000.000đ; chị Nguyễn Thị T 4.100.000đ; ông Trần Đức I 1.026.400đ; chị Lê Thị N 400.000đ; chị Hồ Thị Đ 400.000đ; chị Nguyễn Thị H 5.000.000đ; bà Nguyễn Thị T 8.500.000đ; ông Nguyễn Duy T 2.054.000đ; ông Lê Tiến P 6.000.000đ; ông Nguyễn Công H 3.800.000đ; anh Cao Trọng L 11.000.000đ.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Lê Tiến C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 6.605.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Sở Tư pháp;
- CA thị xã H;
- VKSND tỉnh Nghệ an;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Hà